

**SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TỬ DŨ**

**ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TỬ DŨ ĐẾN NĂM 2020
TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025**

THÁNG 02 NĂM 2012

I. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TỪ DỮ ĐẾN NĂM 2020 (Giai đoạn 2009 – 2011)

1. Tình hình hoạt động bệnh viện

1.1. Khám chữa bệnh

Trong những năm qua bệnh viện Từ Dũ đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu về giường bệnh, hoạt động chuyên môn do Sở Y tế giao. Các chỉ tiêu về chỉ số giường bệnh, tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú và ngoại trú đều tăng.

Nội dung	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Số giường bệnh nội trú	1579	1.361	1.583
Số giường bệnh ngoại trú	3.298	3.327	3.343
TS lượt người điều trị nội trú	98.142	86.357	105.316
+ Sản, phụ khoa	83.742	72.107	88.474
+ Nhi khoa	14.400	14.250	16.842
TS lượt người điều trị ngoại trú	179.361	207.433	237.891
Tổng số lần khám	769.829	767.501	872.823
Tổng số sanh	52.104	39.663	50.642
Tổng số ca phẫu thuật	39.985	34.114	38.913
Tổng số ca thủ thuật	83.707	79.676	92.891
TS lần xét nghiệm	4.639.803	4.278.989	5.316.655
TS lần X - quang	53.942	52.293	65.687
TS lần siêu âm	446.313	482.272	603.778

1.2. Phát triển đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn – quản lý.

Đáp ứng nhu cầu triển khai một số phương pháp, kỹ thuật hiện đại triển khai tại bệnh viện trong giai đoạn 2011 – 2020, bệnh viện dự trù nguồn nhân lực trong giai đoạn này như sau:

Nội dung	31/12/2010	31/12/2011	
		Kế hoạch	Thực hiện
Giáo sư – PGS	1	1	0
Tiến sĩ bác sĩ	5	5	06
Thạc sĩ bác sĩ	46	45	77
Bs. Chuyên khoa 2	40	37	91
Bs. Chuyên khoa 1	101	102	84
Bc sĩ	103	107	115
Tổng cộng	296	297	333

1.3. Hợp tác quốc tế - nghiên cứu khoa học - chỉ đạo tuyến.

Bên cạnh hoạt động khám chữa bệnh, bệnh viện tiếp tục thực hiện công tác chỉ đạo tuyến theo sự phân công của Bộ Y tế: huấn luyện đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho y tế các tỉnh, giám sát hỗ trợ chuyên môn. Triển khai Đề án 1816/QĐ-BYT về cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ tuyến trên về hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật mổ nội soi trong phụ khoa, cấp cứu tai biến sản khoa... tại 32 tỉnh thành phía Nam.

Về hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học: bệnh viện ngày càng có nhiều đối tác hợp tác với các nước bạn trong việc đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các ứng dụng mới trên thế giới tại Việt Nam.

Từ năm 2009 - 2011 bệnh viện tổ chức thực hiện 67 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có 1 đề tài cấp nhà nước, 06 đề tài cấp Bộ và thành phố và 60 đề tài cấp cơ sở. Các đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả thiết thực cho công tác chẩn đoán và điều trị tại bệnh viện.

1.4. Phát triển ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu

Bệnh viện Từ Dũ là trung tâm nghiên cứu ứng dụng và triển khai các kỹ thuật về sinh sản hàng đầu tại Việt Nam và một số nước trong khu vực, giai đoạn 2009 - 2011 bệnh viện đã ứng dụng một số kỹ thuật chuyên sâu như sau:

1.4.1. Điều trị hiếm muộn vô sinh:

- Kỹ thuật nuôi phôi ngày 5 (phôi blast) : Nuôi phôi ngày 5 (blast) làm tăng cơ hội làm tổ của phôi, tăng tỉ lệ thành công, giảm khả năng đa thai.
- Thiết lập quy trình PGD (chẩn đoán di truyền tiền làm tổ) : Kỹ thuật PGD hiện đang là xu thế chung của thế giới, giúp sàng lọc các bệnh di truyền để có thể lựa chọn các phôi không mang bệnh. Điều này thật sự hữu ích cho các gia đình có bệnh di truyền.
- Thực hiện kỹ thuật IMSI (kỹ thuật tiêm tinh trùng vào bào tương trứng cải tiến): Đây là kỹ thuật cải tiến của ICSI, giúp tăng hiệu quả của việc lựa chọn tinh trùng làm ICSI đối với các mẫu tinh trùng dị dạng nhiều và tỷ lệ sống thấp.
- Em bé TTON **4000**

1.4.2. Nội soi:

- Phẫu thuật nội soi cô định sàn chậu vào mỏm nhô, khâu ngắn dây chằng tử cung- cùng.
- Phẫu thuật đặt mảnh ghép tổng hợp nâng bàng quang- tử cung- trực tràng ngã âm đạo.
- Phẫu thuật đặt sling dưới niệu đạo điều trị són tiểu (TOT).

- Cố định tử cung vào dây chằng cùng gai.
- Khâu phục hồi cân trực tràng- âm đạo, cơ vòng hậu môn.
- Khâu treo niêm mạc trực tràng (phối hợp BS ngoại viện).

Hiệu quả: Sa tạng chậu nữ xảy ra do sự suy yếu hệ thống nâng đỡ đáy chậu, gây sa bàng quang, sa tử cung, sa trực tràng, gây các rối loạn chức năng khác nhau (són tiểu, tiểu không tự chủ, tiêu bón, khối sa ra ngoài âm hộ) ảnh hưởng đến chất lượng sống. Ngày càng nhiều của các bệnh nhân mong mỏi được điều trị nhằm cải thiện lại chất lượng sống. Phẫu thuật phục hồi sàn chậu có sử dụng mảnh ghép tổng hợp mang tính khả thi, cải thiện và đem lại chất lượng sống tốt hơn cho bệnh nhân sa tạng vùng chậu.

1.4.3. Sơ sinh:

- Cứu sống được nhiều trường hợp bệnh nặng, làm giảm đáng kể tỉ lệ tử vong sơ sinh. Đặc biệt là các trẻ có APGAR thấp, trẻ có bệnh lý bẩm sinh.
- Phối hợp với các bệnh viện chuyên khoa Nhi để chẩn đoán và xử trí sớm các trường hợp đặc biệt.

1.4.4. Di truyền - sinh học phân tử

Năm 2009: Buồng Di truyền là một bộ phận trực thuộc Khoa Giải phẫu bệnh - Tế bào - Di truyền:

- Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh, xét nghiệm di truyền tế bào (karyotype máu, dịch ối, gai nhau), kỹ thuật FISH chẩn đoán lệch bội trước sinh, sàng lọc và chẩn đoán đột biến gen thalassemia, xét nghiệm HPV tầm soát ung thư cổ tử cung, thực hiện giai đoạn 1 Đề án nâng cao chất lượng dân số thông qua sàng lọc trước sinh và sơ sinh (gọi tắt là Đề án Dân số) cho 11 tỉnh - thành phố, trở thành mô hình để mở rộng đề án ra cả nước (dưới sự chỉ đạo của Tổng cục Dân số KHHGD).
- Từ tháng 10/2010, thành lập Khoa Xét nghiệm di truyền y học, triển khai kỹ thuật QF-PCR chẩn đoán nhanh lệch bội trước sinh, giải trình tự DNA tìm đột biến gen, ứng dụng kỹ thuật MLPA chẩn đoán bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne, bệnh teo cơ tủy SMA, đột biến vi mất đoạn nhiễm sắc thể.
- Năm 2011: mở rộng Đề án Dân số cho 23 tỉnh thành phố thuộc khu vực phía Nam (từ Khánh Hòa đến Cà Mau).

1.4.5. Chẩn đoán tiền sản:

Thành lập và từng bước triển khai đề án ứng dụng MRI tại bệnh viện trong các bệnh lý sản phụ khoa đặc biệt phục vụ cho công tác chẩn đoán tiền sản.

2. Xây dựng cơ bản:

2.1. Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo khu Khám bệnh số 227 Cống Quỳnh Quận 1.

- Dự án gồm xây mới một tòa nhà với quy mô 01 tầng hầm, 01 trệt, 01 lửng, 08 lầu, sân thượng. Diện tích sàn sử dụng: 8.848,8 m².
- Tổng mức đầu tư là 91 tỷ 714 triệu đồng, trong đó có các nguồn vốn như:
 - Vốn ngân sách thành phố: 28 tỷ 966 triệu đồng (31,6%), bao gồm trả lãi vay kích cầu.
 - Vốn vay theo chương trình kích cầu: 26 tỷ 495 triệu đồng (28,9%)
 - Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của BV: 36 tỷ 253 triệu đồng (39,5%)
- Khởi công ngày 29/6/2010, (thời gian thực hiện dự án 2010 - 2012).

2.2. Dự án khu Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản, số 191 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1.

- Công trình gồm có 02 tầng hầm, 01 trệt, 11 lầu và sân thượng. Tổng diện tích sàn sử dụng là 20.929,4 m².
- Tổng mức đầu tư là 265 tỷ 308 triệu đồng, gồm các nguồn:
 - Vốn ngân sách thành phố : 119 tỷ 511 triệu đồng (45,0%)
 - Vốn vay kích cầu : 100 tỷ đồng (37,7%)
 - Vốn ngân sách cấp bù lãi vay kích cầu: 45 tỷ 797 triệu đồng (17,3%)
- Khởi công ngày 20/7/2011 (thời gian thực hiện dự án 2011 - 2013).

2.3. Hệ thống thu gom xử lý nước thải:

- Xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải - Công suất 1.500 m³/ngày/đêm.
- Tổng diện tích xây dựng: 340 m².
- Phương án là tách nước thải sinh hoạt từ tất cả các khu nhà, bể phốt để thu gom về trạm xử lý trước khi thải vào hệ thống thoát nước thành phố, sau đó được thoát ra hệ thống thoát nước TP trên đường Lương Hữu Khánh.
- Công nghệ xử lý nước thải được áp dụng là kết hợp hệ xử lý cơ học, hóa lý và hệ xử lý sinh học. Nước thải sau xử lý đạt TCVN 7382:2004, mức II.
- Hệ thống xử lý nước thải được bố trí nửa chìm nửa nổi, trong đó:
 - Cụm bể xử lý bố trí phần chìm 4m và phần nổi 3m.
 - Cụm nhà điều hành đặt trên cụm bể xử lý, cao 4,5m.
- Thời gian thực hiện dự án: khởi công tháng 7/2011 thời gian thực hiện 2010 – 2012.
- Tổng mức đầu tư: 22.782.796.000 đồng (Vốn ngân sách thành phố).

3. Điều chỉnh một số nội dung của đề án được xây dựng năm 2009:

3.1. Chuyên môn

- Giải quyết tất cả các bệnh về ung thư phụ khoa theo chu trình phối hợp với các khoa xạ trị của các bệnh viện chuyên khoa ung thư: phẫu thuật, hóa trị, xạ trị, điều trị nội tiết.
- Ngưng tiến hành thành lập khu xạ trị để phục vụ bệnh nhân ung thư vú và các ung thư phụ khoa khác.
- Ứng dụng và liên tục cập nhật những tiến bộ y học trên thế giới:
 - Cập nhật phác đồ điều trị, qui trình lâm sàng và cận lâm sàng theo mô hình bệnh tật.
 - Thiết bị y khoa tiên tiến.
 - Nâng cao năng lực và chất lượng điều trị các bệnh lý trong sản phụ khoa.

3.2. Quản lý chất lượng:

- Thực hiện qui trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO tại một số khoa, phòng.
- Quản lý chất lượng BV theo tiêu chí QLCL của BHYT tiến tới quản lý chất lượng BV theo tiêu chuẩn JCI.
- Ứng dụng CNTT trong quản lý và chuyên môn (chi sẽ ghi mục tiêu rõ hơn).
- Liên tục cải tiến các quy trình quản lý và chuyên môn.
- Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ gia tăng để đáp ứng nhu cầu và hướng tới sự hài lòng của người bệnh và thân nhân.

3.3. Cơ sở vật chất

- Do điều kiện cơ sở vật chất và chuyên môn nên tạm ngưng kế hoạch xây dựng khu xạ trị có quy mô 04 tầng với diện tích sàn xây dựng 12.200 m².
- Điều chỉnh thời gian hoàn thành các Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo khu Khám bệnh số 227 Cống Quỳnh Q.1 từ năm 2012 lên 2013.
- Tháo dỡ hai khu B,C để xây dựng mới với quy mô 1 hầm, 1 trệt, 9 lầu với diện tích sàn sử dụng 1 24.314 m² trên nền công trình cũ.
- Điều chỉnh thời gian thực hiện 2016 – 2018.
- Điều chỉnh việc bố trí các Khoa Phòng tại khu BC: thay vì tầng trệt, 1, 2 bố trí các khoa cận lâm sàng (Dược, Xét nghiệm, GPB- tế bào, Di truyền...) sẽ bố trí khoa cấp cứu chống độc, phòng sanh, phòng mổ.
- Bổ sung Dự án thu gom xử lý nước thải, Dự án điện.
- Tạm ngưng kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở 2 với quy mô 500 giường tại cụm y tế cửa ngõ của thành phố.

4. Mục tiêu phát triển đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025

4.1. Chung:

Xây dựng và phát triển bệnh viện Từ Dũ thành bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi hiện đại trong khu vực Đông Nam Á.

4.2. Cụ thể:

Phát triển bệnh viện phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh theo đúng qui định của pháp luật.

Phát triển đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn, quản lý đáp ứng được nhu cầu triển khai các kỹ thuật, phương pháp mới tại bệnh viện.

Nghiên cứu ứng dụng và từng bước triển khai các phương pháp, kỹ thuật lâm sàng cận lâm sàng tiên tiến trong công tác khám chữa bệnh, tập trung vào các lĩnh vực:

- Điều trị vô sinh - hiếm muộn.
- Chăm sóc sơ sinh cực non.
- Di truyền y học.
- Ung thư phụ khoa.
- Tạo hình thẩm mỹ.

Thành lập trung tâm huấn luyện nội soi cho các nước trong khu vực.

Từng bước triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và khám chữa bệnh.

5. Nội dung thực hiện: theo như đề án tháng 10/2009

II. KẾT LUẬN:

Với chức năng nhiệm vụ là bệnh viện đầu ngành về sản phụ khoa và là tuyến cuối cho tất cả các bệnh viện phụ sản từ Đà Nẵng đến Cà mau tiếp nhận trung bình trên 700.000 lượt khám chữa bệnh hàng năm, cơ sở vật chất được xây dựng từ năm 1937, đến nay nhiều hạng mục đã cũ, xuống cấp và thiếu, không đáp ứng được yêu cầu về phòng ốc cho bệnh nhân, cho việc triển khai các hoạt động chuyên môn. Vì vậy, công tác quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ là rất cần thiết làm cơ sở cho việc xây dựng các dự án phát triển đầu tư về cơ sở vật chất cũng như chuyên môn nghiệp vụ của bệnh viện trong những năm sau này./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

HUỲNH THỊ THANH THỦY